

Ngôi Mộ Đặc Địa Của Ba Tôi

Lâm Vĩnh-Thế

Cựu Học Sinh Trường Trung Học Petrus Trương Vĩnh Ký, 1953-1960

Sáng sớm ngày Thứ Sáu, 9-1-1948, Ba tôi mất sau một cơn đau tim nặng. Bài viết này cố gắng ghi lại những chuyện liên quan đến ngôi mộ của Ba tôi mà bây giờ, ở tuổi 84 này, rất may mắn, tôi vẫn còn nhớ được khá rõ.

Gia Tộc Họ Lâm

Họ Lâm của gia đình Ba tôi là một gia tộc người Minh Hương giàu có lớn trong Chợ Lớn (khu vực có thể xem như là một Chinatown của Sài Gòn thời Pháp thuộc).

Theo Gia phả ghi lại, Ông Thủy Tổ có tên là:

Lâm Các Quới 林閣貴

Chính Cụ Lâm Các Quới đã đặt ra câu sau đây, gồm 8 chữ để dùng làm chữ lót cho tên các đời con cháu bên nam, còn bên nữ thì luôn luôn dùng chữ NGỌC.^[1]

Tường Quang Lệ Nhật Vĩnh Thế Kỳ Xương

祥 光 麗 日 永 世 其 昌

Và tất cả các đời đã tuân theo gia phả, đặt tên con cháu hoàn toàn theo đúng với các chữ lót như trên:

- Ông Sơ của tôi tên là: Lâm **TƯỜNG** Cơ
- Ông Cố của tôi tên là: Lâm **QUANG** Kiển
- Ông Nội của tôi tên là: Lâm **LỆ** Thủy
(tên trong Giấy Khai Sinh là Lâm Văn Ngộ)

- Ba của tôi tên là: Lâm **NHỰT** Thanh
(tên trong Giấy Khai Sinh là Lâm Đình Thâm)
- Tôi tên là: Lâm **VĨNH** Thế
- Con tôi tên là: Lâm **THẾ** Dũng và Lâm **THẾ** Trung
- Cháu nội của tôi tên là: Lâm **Kỳ** Trân
(tên trong Giấy Khai Sinh là Dean **KY** Lam)

Ông Cố tôi, Cụ Lâm Quang Kiển, lúc sinh thời, đã từng là một chức sắc cao cấp của **Hội Minh Hương Gia Thạnh** trong Chợ Lớn. Chính Cụ, với chức vụ Đại Đồng Sư, đã chủ trì việc xây cất ngôi đình của Hội vào năm 1901 (niên hiệu Thành Thái thứ 13), nay vẫn còn và đã được công nhận là Di Tích Lịch Sử Văn Hóa của Thành phố.^[2]



Toàn Cảnh Mặt Tiền Của Đình Minh Hương Gia Thạnh



Bảng Công Nhận Di Tích Lịch Sử Văn Hóa Của Thành Phố

Trong một tài liệu quan trọng của Hội **Minh Hương Gia Thạnh**, cuốn **Khoán-Uớc và Tiểu-Sử các vị Tiền-Bối**,^[3] đã có ghi lại khá nhiều về Ông Cố của tôi, Cụ Lâm Quang Kiển, như sau:

- “Năm Tân-Sửu (1901) niên hiệu Thành Thái thứ 13, đình hư nhiều, Hội mượn triệt hạ xuống hết, cất lại mới. Ban Trị-sự lo việc cất đình hồi đó là: 1) Đại-đồng-sư: Lâm-Quang-Kiển...” (Trang [24]).
- “Đến năm Đinh-Sửu (1877), làng chiết ra bán cho Chánh-phủ hết một phần, dùng cất trại lính tuần thành, giá là 373 \$ 00. Làng lấy đó mà trả lại cho bốn vị Phó-Hồi: Ông Lâm-Quang-Kiển 60\$00...” (Trang [29], mục BẤT-ĐỘNG-SẢN CỦA HỘI).
- “Làng mua 21 căn phố đó với giá bạc là 600\$00; vì hụt tiền, nên làng phải mượn thêm 300\$00 của 9 vị hội-viên, kể tên ra đây: ...Ông Hương-Trưởng Lâm-Quang-Kiển 30\$00 ...” (Trang 30, mục BẤT-ĐỘNG-SẢN CỦA HỘI).
- “**Hội-đồng thành-phố** : Lâm-Quang-Kiển... (Trang 33, mục CÁC VỊ VIÊN QUAN TÂN TRÀO GÓC NGƯỜI MINH HƯƠNG ĐÃ QUÁ CỐ).
- “Năm Bính-Tý (1876) ... Ông Nhì Lâm Quang-Kiển ... Năm Nhâm-Thìn (1892) ... Ông Nhứt Lâm-Quang-Kiển ... Năm Kỷ-Dậu (1909) Ông Hương-Lão Lâm-Quang-Kiển ...”

Tôi không biết rõ nhưng rất có thể là chính Ông Cố Lâm Quang Kiển là người đã đứng ra mua một mảnh đất khá rộng (trên dưới một mẫu, ở một khu ngoại ô của Sài Gòn) để lập nghĩa trang riêng cho dòng họ Lâm. Tôi đã có nhiều lần đến thấp nhang cho các ngôi mộ vào các ngày lễ Thanh Minh tại khu nghĩa trang này và đã chính mắt nhìn thấy và vô cùng ngưỡng mộ cũng như tự hào về các ngôi mộ bằng đá rất lớn của các vị tiền bối.

Gia đình họ Lâm đã bị suy sụp rất nặng vào thập niên 1930 trong thời gian của cuộc Đại Khủng Hoảng Kinh Tế Toàn Cầu. Ông Cố tôi rất đau buồn và qua đời. Cả Ông Nội tôi và Ba tôi sau đó phải vào làm việc cho tờ báo **Lục Tỉnh Tân Văn** của ông Huyện Cửa là anh rể của Ông Nội tôi. Ông Nội tôi là Chủ Nhiệm kiêm Chủ Bút cho tờ báo, còn Ba tôi thì làm Phụ tá cho Ông Nội:



Hình Ông Nội Tôi Tại Tòa Soạn Báo Lục Tỉnh Tân Văn



Hình Ba Tôi Tại Tòa Soạn Báo Lục Tỉnh Tân Văn

Do điều kiện kinh tế - tài chánh rất khó khăn trong thời gian Thế Chiến 2 (1939-1945), tờ báo **Lục Tỉnh Tân Văn** phải đình bản vào năm 1944. Ba tôi bị mất việc và gia đình Ba Mẹ tôi đã sống khá chật vật. Mẹ tôi phải làm bánh bán để kiếm tiền nuôi sống gia đình gồm 8 người: Ba Mẹ tôi, 4 anh chị em tôi (Chị Hai tôi lúc đó mới có 11 tuổi, và tôi mới được 3 tuổi), Má Sáu tôi (em gái kế của Mẹ tôi) và người con trai là Anh Tốt (lúc đó được 15 tuổi). Xin nói qua một chút về người anh bạn dì rất thân thương này (thật ra anh ấy chính là vai em của tôi, nhưng vì anh ấy lớn hơn tôi cả một con giáp nên tôi đã luôn luôn gọi là anh). Anh Tốt đã giúp Mẹ tôi rất nhiều trong việc kiếm sống cho gia đình: hàng ngày, buổi sáng thì anh phụ Mẹ tôi làm bánh, buổi trưa thì chính anh đem bánh đi bán, và buổi chiều khi đã bán bánh xong, thay vì chỉ mang tiền về cho Mẹ tôi, anh cầm số tiền đó ra chợ mua trái cây và mang đến trại lính ở Đakao, trên đường Albert 1er (Thành 11ème R.I.C.; R.I.C. = Régiment d'Infanterie Coloniale = Trung Đoàn 11 Bộ Binh Thuộc Địa) để bán cho lính Tây để kiếm thêm tiền cho Mẹ tôi, và với số tiền đó anh trích ra một phần mua bột và trứng để cho Mẹ tôi làm bánh vào hôm sau.

Ba Tôi Mất

Từ nhiều năm Ba tôi đã bị viêm khớp khá nặng, nhiều lúc cả 2 đầu gối bị sưng to, không đi được. Ngoài việc thoa dầu nóng, xoa bóp, Ba tôi phải uống khá nhiều thuốc trị sưng và đau nhức, và, vì vậy, Ba tôi đã bị biến chứng sang đau tim.

Buổi sáng ngày 9-1-1948, có lẽ vào khoảng 5 giờ, tôi thức giấc vì trong nhà có nhiều tiếng động. Vẫn còn ngồi trong mùng, tôi nhìn ra thì thấy Ba tôi ngồi trên một cái ghế dựa lưng vào tường ngay cửa buồng, một bên thì Mẹ tôi đang quạt mát cho Ba tôi, một bên là Cậu Sáu Hiệp (em bà con cô cậu của Mẹ tôi sống chung trong nhà với Ba Mẹ tôi) đang lau mồ hôi trên trán, trên mặt của Ba Tôi. Lúc đó Ba tôi đã mệt và thở khó khăn lắm rồi. Đến ngày hôm nay tôi vẫn còn nhớ rất rõ ràng câu nói cuối cùng của Ba tôi như sau: **“Mệt quá ! Mệt quá ! Chắc chết quá.”** Mẹ tôi rầy Ba tôi: **“Bậy nà ! Mình đừng có nói gờ !”** Chỉ một hai phút sau đó thì Ba tôi tắt thở.

Về sau này, khi tôi đã lớn và đã vào đại học, Mẹ tôi mới kể lại cho chị em chúng tôi nghe những chuyện diễn ra sau khi Ba tôi mất. Mẹ tôi lo lắng vô cùng, không biết làm sao chôn cất Ba tôi được vì lúc đó trong nhà không có tới một trăm đồng bạc. Nhưng thật may mắn, sau khi nghe tin Ba tôi mất, Bà Huyện Của lúc đó đã đến ngay nhà Ba Mẹ tôi (là căn phố tại số 54 đường Faucault mà Ba Mẹ tôi đang mượn để ở). Xin nói một chút về Bà Huyện Của này. Bà là người vợ thứ ba của Ông Huyện Của. Ông Của tên là Nguyễn Văn Của, người gốc Quận Thủ Đức, một doanh nhân rất giàu, có quốc tịch Pháp, và được Chính quyền thuộc địa Nam Kỳ ban cho chức Huyện Danh Dự (Huyện Honoraire) nên dân chúng thường gọi là Ông Huyện Của. Với người vợ thứ nhất, Ông Của có được một người con trai là Tướng Nguyễn Văn Xuân về sau là Thủ Tướng.^[4] Người vợ thứ nhì của ông Của chính là Bà Cô, chị ruột của Ông Nội tôi. Với Bà Cô của tôi, Ông Của có được một người con gái là Cô Louise Nguyễn Thị Nhựt mất lúc còn trẻ. Người vợ thứ ba có khá nhiều con với Ông Của và người con gái út là Cô Mười Marcelle có chồng là ông La Thành Nghệ, một Dược Sĩ và về sau là Thượng Nghị Sĩ. Bà Huyện Của thứ ba này là một người rất phúc hậu, hiền lành, đức độ. Mẹ tôi rất kính trọng Bà và bắt tất cả chị em tôi phải gọi Bà là Bà Cô. Chính vì thái độ hiếu thảo đó của Mẹ tôi, Bà rất thương Mẹ tôi, nên Bà đã giúp đỡ Mẹ tôi lo được một đám tang làng hoàng cho Ba tôi. Và hơn nữa, vì lúc đó là trong thời gian chiến tranh Việt-Pháp (1946-1954), khu nghĩa trang của dòng họ Lâm nằm trong vùng Việt Minh kiểm soát nên không vào được, Bà Huyện Của đã cho phép Mẹ tôi an táng Ba tôi trong nghĩa trang riêng của gia đình Ông Huyện Của. Nghĩa trang này nằm bên cạnh khu đất về sau là cổng vào của Bộ Tổng Tham Mưu Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Ngôi Mộ Đắc Địa Không Ngờ

Sau khi Ba tôi mất, Mẹ tôi đã không tái giá, ở vậy thờ chồng nuôi con, giữ đúng truyền thống lễ giáo, đạo đức của một người phụ nữ đất Nam Kỳ Lục Tỉnh.

Thật hoàn toàn không ngờ, ngôi mộ nơi Mẹ tôi an táng Ba tôi, không do một sự lựa chọn nào cả, lại là một cuộc đất rất tốt, đắc địa, và chỉ trong một thời gian tương đối

ngắn ngủi, chưa tới 10 năm, đã phát tác và tạo ra những thay đổi lớn lao và rất tốt cho gia đình tôi.

Trước tiên xin nói về công ăn việc làm của Mẹ tôi.

“Sau khi Ba tôi mất, do một sự tình cờ may mắn, Mẹ tôi được giới thiệu vào một cái nghề rất đặc biệt: nghề bán hột xoàn. Tôi gọi nó là một nghề đặc biệt vì nó thật là đặc biệt với những đặc tính như sau: 1) không có một trường chuyên môn nào dạy cái nghề này cả, chỉ là nghề dạy nghề; 2) không cần có vốn liếng gì cả; và, 3) không cần phải có cơ sở vật chất gì cả. Ngược lại cái nghề đặc biệt này lại rất cần phải có 2 loại “vốn” rất đặc biệt: 1) phải có một mạng lưới giao thiệp rộng rãi; và 2) phải có uy tín thật tốt. Phần đông những người làm nghề này đều là những phụ nữ trung niên thuộc giới trung lưu. Vì là một nghề buôn bán nên dĩ nhiên đối tượng của những người làm nghề này chỉ gồm 2 hạng người: người có hột xoàn muốn bán và người có tiền muốn mua hột xoàn. Người làm nghề này chính là người tạo ra nhịp cầu giữa người mua và người bán, và lợi tức của họ là tiền huê hồng tạo ra do sự chênh lệch giữa giá bán và giá mua. Tiền huê hồng này người trong giới bán hột xoàn gọi là “tiền xe” nghĩa là chi phí mà họ phải bỏ ra khi di chuyển (lúc đó thường là đi xích lô đạp) giữa người bán và người mua.

Mẹ tôi bước vào cái nghề bán hột xoàn đặc biệt này trong một giai đoạn cũng rất là đặc biệt và thuận lợi. Đó là vào đầu thập niên 1950 khi chiến tranh Việt-Pháp ngày càng khốc liệt, nông thôn không có an ninh nữa. Một mặt, nhiều gia đình giàu có ở nông thôn bỏ ra thành, về Sài Gòn sinh sống, họ phải tìm người giúp bán nữ trang của họ để có tiền mua nhà cửa, hay mở cửa hàng buôn bán. Mặt khác, một giai cấp mới hình thành: những dân môi giới, thầu khoán làm ăn với quân đội viễn chinh Pháp và trở nên giàu có nhanh chóng. Những bà vợ (cả vợ chánh thức lẫn vợ bé, tình nhân, gái bao, vv) của những người thành công trong giai cấp mới này đều cần mua sắm nữ trang để làm của, cũng như để phòng khi gặp bất trắc, khó khăn. Nhờ những giao thiệp đã có từ thời Ba tôi còn sống và với danh tiếng là “con dâu Ông Huyện Ngộ,” Mẹ tôi vào nghề một cách trôi chảy với mạng lưới của riêng bà càng ngày càng mở rộng. Một thời gian sau Mẹ tôi được nhiều người trong giới bán hột xoàn đặt cho một cái tên là “Bà Phán,” mặc dù Ba tôi cả đời chưa hề làm một ông Thông Phán bao giờ, và với uy tín càng ngày càng được nâng cao. Trong khi hành nghề, dĩ nhiên Mẹ tôi không tránh được phải giao thiệp với các tiệm bán nữ trang kim hoàn ở khu Chợ Cũ, thuộc Quận 2, Sài Gòn (đặc biệt là đường Guynemer, thời VNCH đổi lên là Võ Di Nguy) với các lý do sau đây: 1) nhờ họ tân trang lại các đồ nữ trang mà người quen giao cho nhờ bán như là đánh bóng lại các hột xoàn, sửa chữa các khay, dây chuyền, vv; 2) đồng thời cũng hỏi thăm họ luôn để nắm được giá cả đương thời để có thể nói giá một cách dễ chấp nhận đối với người mua (vì người mua, trước khi quyết định mua, họ cũng biết đi dò giá ở các tiệm kim hoàn). Sau một thời gian, chủ nhân các tiệm kim hoàn này, đặc biệt là bà chủ tiệm Thiên Tường, trên đường Võ Di Nguy, rất tin cậy Mẹ tôi và chính bà ấy cũng có giao một số nữ trang của tiệm cho Mẹ tôi đem đi bán giùm (một chuyện rất hiếm xảy ra trong giới

chủ nhân các tiệm kim hoàn). Sau cùng, cũng do một mối quan hệ đặc biệt, Mẹ tôi quen được một phụ nữ có chồng người Pháp, mà về sau chị em chúng tôi đều gọi là Cô Tư Villard. Cô Tư có chồng là ông Frank Villard, người Pháp nhưng có quốc tịch Mỹ (chắc là song tịch). Ông Villard có mở một công ty chuyên nhập cảng hột xoàn từ Thụy Sĩ vào Việt Nam. Dĩ nhiên, phần làm ăn chánh của công ty này là cung cấp hột xoàn cho các tiệm kim hoàn, như là các tiệm lớn ở Sài Gòn trên đường Catinat (về sau thời VNCH đổi tên là đường Tự Do) và trong Chợ Lớn trên đường Đồng Khánh. Nhưng do quan hệ riêng đặc biệt đó, Cô Tư luôn luôn dành cho Mẹ tôi một số hột xoàn loại tốt (trắng xanh), và Mẹ tôi mang ra tiệm Thiên Tường nhờ họ làm thành những món nữ trang mà Mẹ tôi biết đang là hàng “hot” trên thị trường lúc đó. Với việc này, Mẹ tôi không còn chỉ là người môi giới trong nghề bán hột xoàn nữa mà trở thành một nhà cung cấp. Dĩ nhiên, lợi tức hàng tháng của Mẹ tôi tăng lên rất nhiều, không còn chỉ thuần túy là “tiền xe” nữa. Vì vậy chỉ trong một thời gian ngắn chừng vài ba năm, Mẹ tôi đã vượt ra khỏi cuộc sống khó khăn, chật vật của giai đoạn trước khi Ba tôi mất, và độ 10 năm sau thì Mẹ tôi đã tạo được một tài sản khá lớn và đời sống gia đình tôi có thể nói là đã trên mức trung lưu.”^[5]

Ngoài công việc chánh là buôn bán hột xoàn càng ngày càng phát đạt, như vừa trình bày bên trên, Mẹ tôi, với số tiền đã tích lũy được, lại bước vào một lãnh vực kinh doanh hoàn toàn mới mẻ tại thời điểm đó: cho mượn taxi. Mẹ tôi đã mua 5 chiếc xe Renault loại 4 ngựa, đăng ký làm taxi, và cho thuê mỗi ngày 200 đồng. Như vậy, chưa kể lợi tức của việc mua bán hột xoàn, chỉ với 5 chiếc taxi đó, Mẹ tôi đã có một lợi tức hàng ngày là 1.000 đồng, trong khi đó, lương của một người thư ký chỉ vào khoảng 800 đồng một tháng. Tôi vẫn còn nhớ như in cái chuyện sau đây: mỗi năm khi vào hè, đã bãi trường, Mẹ tôi thường dẫn anh Tế và tôi đi nghỉ hè trọn một tháng trời, khi thì Đà Lạt, hay Nha Trang, khi thì Vũng Tàu hay Long Hải, mỗi lần như vậy Mẹ tôi đều gọi về chiếc taxi do Chú Sáu mượn lái. Chú Sáu là một người rất đàng hoàng và được Mẹ tôi tin cậy. Mẹ tôi trả cho Chú Sáu một số tiền bằng với lợi tức mà Chú kiếm được trong một tháng để chú đưa về nhà cho vợ con và yên tâm đi cùng ba mẹ con chúng tôi trong suốt tháng hè đó.

Kể tiếp đây xin được trình bày về chuyện học hành thi cử của 4 chị em tôi. Đúng ra thì Ba Mẹ tôi đã có tất cả 8 người con, nhưng vào thời điểm này, sau khi Ba tôi mất vào đầu tháng 1-1948, 4 người anh chị lớn đều đã qua đời: 3 chị Sương, Thu và Diệu đã mất trước thập niên 1940 (xin xem chi tiết ở Ghi Chú số 1 bên dưới), và người anh cả là anh Lâm Vĩnh-Tường cũng đã mất vào năm 1944; bây giờ chỉ còn lại 4 người con nhỏ là chị Lâm Nguyệt Anh (sinh năm 1933), chị Lâm Nguyệt Phương (sinh năm 1936), anh Lâm Vĩnh-Tế (sinh năm 1939), và tôi, Lâm Vĩnh-Thế (sinh năm 1941), như trong tấm ảnh dưới đây:



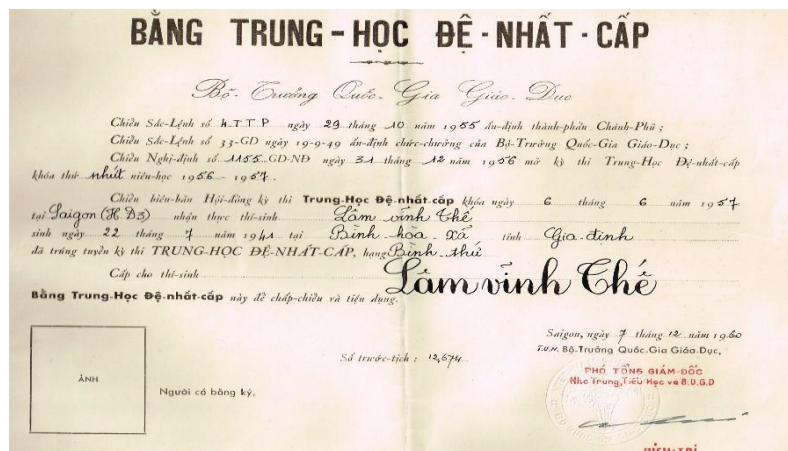
Hình Gia Đình Chụp Khoảng Năm 1953-1954

Hàng Trước: Mẹ Tôi với Anh Tế (bên phải) và Tôi (bên trái)

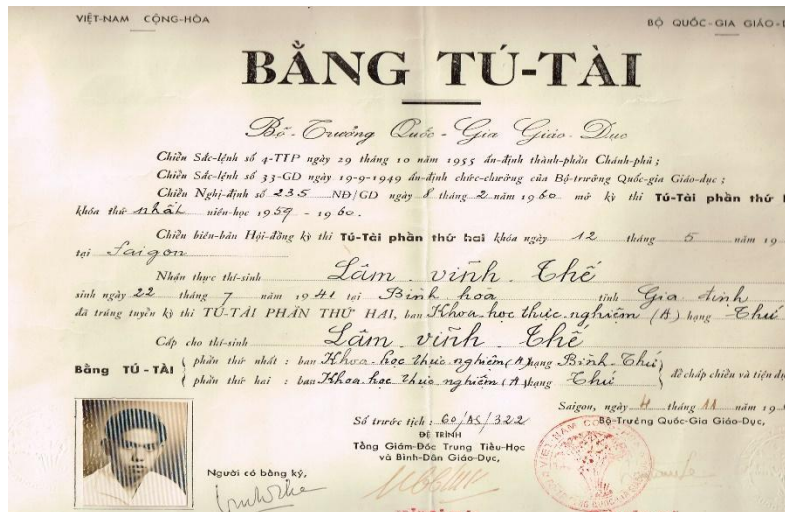
Hàng Sau: Chị Phương (bên trái) và Chị Anh (bên phải)

Lần lượt 4 chị em tôi đều đậu kỳ thi tuyển vào hai trường Gia Long và Petrus Ký và sau đó đều đậu các văn bằng của bậc Trung Học:

- Chị Anh đậu bằng Diplôme (1949), Bac I (Tú Tài I Pháp, 1951), Bac II (Tú Tài II Pháp, 1952)
- Chị Phương đậu Brevet (1952, và thôi học, ra đi làm)
- Anh Tế đậu Brevet (1955), Bac I (1957) và Bac II (1958)
- Tôi đậu bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp (1957), Tú Tài I (1959) và Tú Tài II (1960)



Bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp (1957)



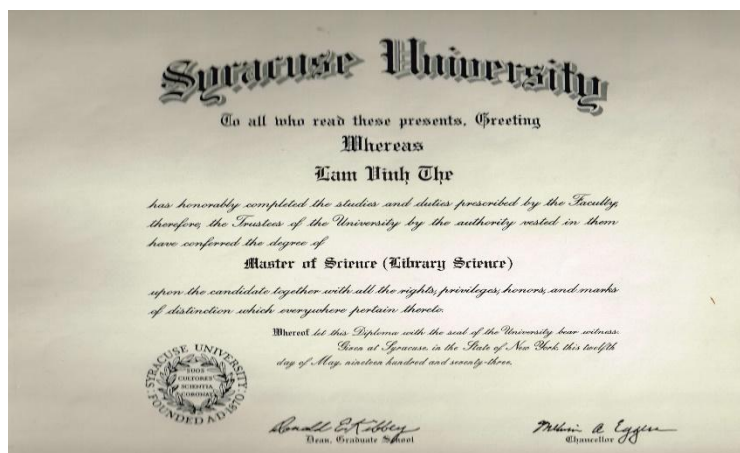
Bằng Tú Tài: Phần I (1959) và Phần II (1960)

Sau đó, Chị Anh thi đậu vào Học Viện Quốc Hành Chánh, Khóa 3 (1955) là khóa đầu tiên khi Học Viện được di chuyển từ Đà Lạt về Sài Gòn với trụ sở trên đường Alexandre de Rhodes gần Dinh Độc Lập (về sau là trụ sở của Bộ Ngoại Giao VNCH, sau năm 1975 là Sở Ngoại Vụ T/P Hồ Chí Minh). Sau khi ra trường, Chị Anh được bổ nhiệm về Tổng Nha Thuế Vụ, phụ trách ty Thuế Lợi Tức Pháp Nhân, lúc đầu Chị giữ chức Phó Trưởng Ty, sau đó thăng lên Trưởng Ty, và khi Ty được nâng lên thành Sở thì Chị là vị Chánh Sự Vụ đầu tiên của Sở.

Sau khi đậu Tú Tài II Pháp, Anh Tế vào học Trường Đại Học Khoa Học Sài Gòn (Faculté des Sciences) và trong hai năm liền, anh đã đậu 2 chứng chỉ là: 1) MPC (Mathématiques-Physique-Chimie = Toán Lý Hóa), và 2) Chimie Générale = Hóa Học Đại Cương. Sau đó Anh được học bổng Colombo và đi du học tại Canada vào năm 1960. Vì Đại Học Montréal công nhận 2 chứng chỉ đó, Anh Tế đã được chấp nhận cho vào học ngay năm thứ ba, và sau hai năm, 1962, Anh đã đậu bằng Cử Nhân Khoa Học (Bachelor of Science = BS), và đậu với Hạng Ưu (Cum Laude). Nhờ vậy, Anh đã được nhà trường cấp học bổng học tiếp lên chương trình cao học. Năm 1964 Anh lấy xong văn bằng Cao Học Khoa Học (Master of Science = MS), và năm 1967 Anh đậu Tiến Sĩ Hóa Học (Ph.D. in Chemistry) với luận văn sau đây: **“Étude microcalorimétrique de la thermocinétique de démixtion des systèmes binaires liquides.”** Sau 2 năm dạy học tại Trường Đại Học Sherbrooke, and chuyển về làm Trưởng Ban (Department Head) của Ban Hóa Học, Trường Đại Học Cộng Đồng CEGEP Bois-de-Boulogne tại Montréal (CEGEP = Collège d’enseignement général et professionnel), và dạy học tại đây cho đến khi anh mất vì bệnh ung thư gan ở tuổi 60.

Phần tôi thì Hè 1960 tôi thi đậu kỳ thi tuyển vào Trường Đại Học Sư Phạm Sài Gòn, Ban Sư Địa, Khóa 3 (1960-1963). Sau khi ra trường tôi được bổ nhiệm vào ngạch Giáo Sư Trung Học Đệ Nhị Cấp, và nhiệm sở đầu tiên là Trường Trung Học

Công Lập Kiến Hòa (Bến Tre). Năm 1966, tôi được chuyển về Trường Kiểu Mẫu Thủ Đức, và sau một thời gian, tôi chuyển sang làm công tác thư viện.^[6] Năm 1971, tôi được học bổng đi du học tại Hoa Kỳ trong 2 năm (1971-1973) tại Trường Thư-Viện-Học, Viện Đại Học Syracuse (School of Library Science, Syracuse University), tại thành phố Syracuse, tiểu bang New York, và tốt nghiệp với bằng Cao Học về Thư-Viện-Học (Master of Library Science = MLS).



Bằng Master of Library Science (MLS) của Đại Học Syracuse

Về nước, đầu năm 1974, tôi ra ứng cử và đắc cử chức vụ Chủ tịch Hội Thư Viện Việt Nam trong 2 nhiệm kỳ 1974 và 1975, và với cương vị này, tôi cũng đã được các hội đoàn văn hóa tư bầu vào Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục, nhiệm kỳ 2 (1974-1977). Sau đó tôi cũng đã được Viện Đại Học Vạn Hạnh cử nhiệm thành lập Ban Thư-Viện-Học đầu tiên của VNCH tại Phân Khoa Văn Học và Khoa Học Nhân Văn dưới quyền Khoa Trưởng của Giáo Sư Nguyễn Đăng Thục và giữ chức vụ Trưởng Ban đầu tiên này cho đến ngày 30-4-1975.

Thay Lời Kết:

Khi mãn phần vào đầu năm 1948, trong thời gian chiến tranh Việt-Pháp (1946-1954), Ba tôi đã không được an táng vào trong nghĩa trang riêng của dòng họ Lâm vì khu vực nghĩa trang đang nằm trong sự kiểm soát của Việt Minh, và Mẹ tôi đã phải an táng Ba tôi trong nghĩa trang riêng của dòng họ Ông Huyện Cửa. Nhưng thật hoàn toàn không ngờ, ngôi mộ của Ba tôi lại nằm trong một cuộc đất rất tốt, và nói theo khoa phong thủy, rất đắc địa, đem đến cho gia đình tôi nhiều điều tốt đẹp: Mẹ tôi làm ăn phát lên và tạo được một sản nghiệp đáng kể, và chị em tôi đều học hành rất tốt, luôn luôn thi đậu tất cả các kỳ thi lấy văn bằng cũng như các kỳ thi tuyển vào các trường đại học lớn và nổi tiếng. Mẹ tôi hoàn toàn tin tưởng vào ngôi mộ đắc địa này của Ba tôi. Một bằng chứng thật hùng hồn cho sự tin tưởng đó của Mẹ tôi là vào năm 1960, khi Ông Nội tôi mãn phần, chính quyền VNCH đã kiểm soát được khu vực có nghĩa trang riêng của dòng họ Lâm, và nhờ vậy Mẹ tôi đã có thể an táng Ông Nội tôi vào nghĩa trang của họ Lâm, và đó là lúc thuận tiện nhất để cải táng mộ của Ba tôi nhưng Mẹ tôi đã quyết định không làm việc cải táng, mà vẫn giữ nguyên ngôi mộ của Ba tôi ở vị trí đắc địa đó.

GHI CHÚ:

1. Tôi không biết rõ năm tháng nhưng rất có thể là trong khoảng thời gian cuối thập niên 1920 và đầu thập niên 1930 khi Ba Mẹ tôi bị mất cả 3 người con gái là các chị Lâm Ngọc Sương, Lâm Ngọc Thu và Lâm Ngọc Diệu trong vòng một vài tháng (có lẽ là do bị bệnh sưng màng óc -Meningitis-truyền nhiễm, lúc đó không có thuốc chữa). Sau cái chết của 3 chị, Ba Mẹ tôi quyết định không dùng chữ **Ngọc** nữa, mà đổi sang dùng chữ **Nguyệt**, và vì vậy hai người chị kế tiếp có tên là Lâm Nguyệt Anh và Lâm Nguyệt Phương.
2. Lâm Vĩnh-Thế. ***Đình Minh Hương Gia Thạnh***, tài liệu trực tuyến, có thể đọc toàn văn tại địa chỉ Internet sau đây: <https://petruskyaus.net/dinh-minh-huong-gia-thanh-lam-vinh-the/>
3. Lâm Vĩnh-Thế. ***Khoán Ước của Minh Hương Xã***, tài liệu trực tuyến, có thể đọc toàn văn tại địa chỉ Internet sau đây: <https://petruskyaus.net/khoan-uoc-cua-minh-huong-xa-lam-vinh-the/>
4. Lâm Vĩnh-Thế. ***Hai vị tướng lãnh gốc Việt của Quân Đội Pháp***, tài liệu trực tuyến, có thể đọc toàn văn tại địa chỉ Internet sau đây: <https://petruskyaus.net/ha-vi-tuong-lanh-goc-viet-cua-quan-doi-phap-lam-vinh-the/>
5. Lâm Vĩnh-Thế. ***Mẹ tôi: một phụ nữ tiêu biểu của Nam Kỳ Lục Tỉnh***, tài liệu trực tuyến, có thể đọc toàn văn tại địa chỉ Internet sau đây: <https://petruskyaus.net/me-toi-lam-vinh-the/>
6. Lâm Vĩnh-Thế. ***Một ngã rẽ bất ngờ và may mắn***, tài liệu trực tuyến, có thể đọc toàn văn tại địa chỉ Internet sau đây: <https://petruskyaus.net/mot-nga-re-bat-ngo-va-may-man-lam-vinh-the/>